TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 326/2023/DS-PT
Ngày 15-8-2023
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng;

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 288/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 282/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 408/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2022; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 53/2023/TB-TA ngày 03 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 316/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Quang V, sinh năm 1986; địa chỉ: số B, đường C, tổ A, khu phố D, phường P, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Cao H, sinh năm 2002; địa chỉ: số D, chung cư B, khu phố C, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/12/2021), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; địa chỉ liên hệ: số H, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Thanh D, sinh năm 1982; địa chỉ: số B, đường số D, khu phố F, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/7/2023), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Dương Thị H1, sinh năm 1992; địa chỉ: xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; địa chỉ liên hệ: số H, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Phạm Quang V và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Cao H trình bày:*

Ngày 21/8/2017, ông Phạm Quang V có cho ông Nguyễn Văn T mượn số tiền 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) để kinh doanh. Theo thỏa thuận vào ngày 21/8/2019 ông T phải hoàn trả cho ông V số tiền trên. Sau khi tới hạn trả tiền, ông V đã nhiều lần gọi điện, tới nhà yêu cầu thanh toán nhưng ông T nói rằng chưa có tiền, xin khất thêm một thời gian cũng chưa trả. Nay ông V yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả cho ông V số tiền 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Việc vay tiền chỉ giữa ông T và ông V nên không yêu cầu bà Dương Thị H1 là vợ ông T phải cùng ông T trả tiền vay.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông T và ông V là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội. Việc ông Phạm Quang V khởi kiện đòi số tiền 1.100.000.000 đồng là không đúng vì ông T không vay tiền của ông V, ông T không ký vào giấy vay tiền. Do đó, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H1 trình bày:*

Bà H1 là vợ ông T, bà không biết chuyện làm ăn giữa ông T và ông V như thế nào. Đồng thời bà H1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quang V đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

2. Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho ông Phạm Quang V số tiền đã vay là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/9/2022, bị đơn Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn T là ông Huỳnh Thanh D vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Quang V là ông Nguyễn Cao H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn T là ông Huỳnh Thanh D trình bày: Đối với kết luận giám định lại thì bị đơn không có ý kiến, bị đơn xác định chữ ký và họ tên tại Giấy vay tiền ngày 21/8/2017 là của bị đơn nhưng đó là chữ ký

không, không có việc mượn tiền của ông V. Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể: không đưa bà Nguyễn Thị T1 là vợ của ông T vào tham gia tố tụng để xác định trách nhiệm trả nợ chung đối với số tiền nguyên đơn khởi kiện; không tiến hành thủ tục niêm yết thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28/7/2022, Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng địa chỉ của bị đơn ông T nên chưa đảm bảo 02 lần theo quy định; niêm yết quyết định xét xử không đúng địa chỉ dẫn đến ông T không nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy ủy quyền của ông V cho ông H là không đúng đối tượng, ủy quyền đối với ông Nguyễn Văn T có địa chỉ: 8, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, trong khi ông T có địa chỉ tại số H, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Lời khai ông H có mâu thuẫn với ông T về địa điểm giao nhận tiền nhưng chưa được làm rõ, cụ thể: tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông H cho rằng việc giao nhận tiền tại nhà ông T nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông H lại khai nhận giao nhận tại địa chỉ số C, đường V; trong giấy vay tiền thể hiện trả số tiền trên sau 02 năm, chưa làm rõ là trả một lần hay nhiều lần. Do vậy, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, nếu không chấp nhận hủy án thì đề nghị nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Bị đơn không đồng ý trả số tiền 1.100.000.000 đồng vì cho rằng bị đơn không ý vào Giấy cho vay tiền ngày 21/8/2017. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định chữ ký của ông T và tại Kết luận giám định số 3226/KL-KTHS ngày 30/6/2022 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ C kết luận chữ ký, chữ viết dưới mục người vay tiền là của ông T. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị đơn không đồng ý với kết luận trên và có yêu cầu giám định lại, giám định bổ sung và Tòa án cấp phúc thẩm đã trưng cầu giám định theo yêu cầu của ông T. Tại Kết luận giám định số 132/KL-GĐKTHH ngày 16/6/2023 của Phòng Giám định Kỹ thuật hình sự - Bộ Q đã kết luận chữ ký, chữ viết là của ông T. Quá trình giải quyết vụ án, ông T không thừa nhận chữ ký, chữ viết. Tuy nhiên, sau khi có kết luận giám định nêu trên, ông T thừa nhận chữ ký, chữ viết dưới mục người vay tiền là của ông T nhưng do ông T ký khống sẵn, ý kiến trình bày của ông T trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa có mâu thuẫn, kết luận giám định qua hai lần đều xác định là chữ ký, chữ viết của ông T nên ông T phải chịu trách nhiệm đối với giao dịch mà ông T đã xác lập. Ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị T1 vào tham gia tố tụng, bản chất của vụ án là ông T có mượn hay không mượn tiền và có ký tên thiết lập giao dịch vay mượn với nguyên đơn hay không để xác định trách nhiệm của ông T nên bị đơn yêu cầu hủy án sơ thẩm là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H1 theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm có thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28/7/2022 và ngày 18/8/2022. Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 09/9/2022. Đối với phiên họp phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28/7/2022 và quyết định đưa vụ án ra xé xử và Tòa án cấp sơ thẩm niêm yết văn bản tố tụng cho ông T tại địa chỉ 8 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương là không đúng địa chỉ của ông T. Tuy nhiên, hồ sơ thể hiện ông T biết Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, ông T đến Tòa án nộp bản tự khai ngày 06/5/2022 và có đơn đề nghị sao chụp tài liệu ngày 28/7/2022. Đồng thời, ông T có tham gia phiên tòa sơ thẩm vào ngày 09/9/2022 nên việc Tòa án cấp sơ thẩm niêm yết văn bản tố tụng không đúng địa chỉ ông T, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T vì ông T đã biết và tham gia phiên tòa, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự nên người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

[3] Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Quang V là ông Nguyễn Cao H xác định khởi kiện đối với ông T, không biết bà Nguyễn Thị T1 là ai và yêu cầu ông T trả số tiền đã vay ngày 21/8/2017. Như vậy, ông V không khởi kiện bà T1 và không yêu cầu trách nhiệm liên đới của bà T1 nên lời trình bày của người đại diện hợp pháp của ông T cho rằng phải đưa bà T1 (vợ đã ly hôn) của ông T vào làm rõ trách nhiệm liên đới với số tiền trên là không có căn cứ.

[4] Nguyên đơn ông Phạm Quang V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T trả lại số tiền đã vay là 1.100.000.000 đồng, chứng cứ nguyên đơn xuất trình là Giấy cho vay tiền ngày 21/8/2017.

[5] Bị đơn ông Nguyễn Văn T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông V, không đồng ý với chứng cứ nguyên đơn ông V cung cấp, bị đơn ông T xác định không ký vào giấy vay tiền trên, ông V khởi kiện nhưng không chứng minh được việc giao nhận số tiền trên, không chứng minh được thời gian, địa điểm giao nhận tiền.

[6] Xét thấy, bị đơn ông T không thừa nhận chứng cứ Giấy cho vay tiền ngày 21/8/2017 do nguyên đơn ông V xuất trình. Tại Kết luận giám định số 3226/KL-KTHS ngày 30/6/2022 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ C kết luận: chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T, chữ ký "Nguyễn Văn T" dưới mục "người vay tiền" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Văn T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người ký, viết ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T yêu cầu giám định lại và giám định bổ sung đối với Giấy cho vay tiền ngày 21/8/2017. Tòa án cấp phúc thẩm đã trưng cầu giám định theo yêu cầu của ông T. Tại Kết luận giám định số 132/KL-GĐKTHH ngày 16/6/2023 của Phòng Giám định Kỹ thuật hình sự - Bộ Q đã kết luận:

- Không xác định được thời điểm viết, tuổi mực trong Giấy cho vay tiền đề ngày 21/8/2017.

- Cụm chữ: "Số tiền cho vay bằng số: 1.100.000.000 VNĐ (Bằng chữ Một tỷ một trăm triệu đồng chẵn) để kinh doanh" được viết liên tục trong cùng một lần viết với các nội dung phía trên (trừ cụm chữ "KP. B, B, T, BD" là được viết điền thêm bằng mực khác) và cụm chữ phía dưới "TP ., Ngày 21 tháng 8 năm 2017", "Người vay tiền" của Giấy cho vay tiền đề ngày 21/8/2017 (ký hiệu A).

- Không đủ cơ sở kết luận cụm chữ: "Bên B cam kết trả Bên A sau 02 năm và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật" trên Giấy cho vay tiền đề ngày 21/8/2017 (ký hiệu A) có phải được viết chèn điền thêm hay không.

- Chữ ký, chữ viết cần giám định ghi họ tên "Nguyễn Văn T" dưới mục "Người vay tiền" trên Giấy cho vay tiền đề ngày 21/8/2017 (ký hiệu A) với chữ ký, chữ viết mẫu so sánh ghi của Nguyễn Văn T trên tài liệu ký hiệu M1 và M2 là do cùng một người ký, viết ra.

Sau khi có kết luận giám định trên, người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn T là ông Huỳnh Thanh D thừa nhận chữ ký, chữ viết dưới mục người vay tiền là do ông T ký, nhưng là ông T ký khống. Tuy nhiên, ông T không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Như vậy, căn cứ vào 02 kết luận giám định có căn cứ xác định ông T có ký vào Giấy cho vay tiền ngày 21/8/2017 và không có việc việc chèn số 01 trước cụm số 100.000.000 VNĐ.

[7] Theo nội dung Giấy cho vay tiền ngày 21/8/2017 thể hiện nguyên đơn ông V có cho bị đơn ông T vay số tiền 1.100.000.000 đồng, thời hạn vay 02 năm. Bị đơn ông T cho rằng nguyên đơn ông V không chứng minh được việc giao nhận số tiền trên, không chứng minh được thời gian, địa điểm giao nhận tiền. Xét thấy, như trên đã phân tích, theo kết luận giám định kết luận chữ ký tại Giấy cho vay tiền ngày 21/8/2017 là của ông T nên căn cứ vào Điều 400 của Bộ luật Dân sự thì thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là từ thời điểm giao kết và có căn cứ xác định ông V và ông T đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự nên bị đơn ông T cho rằng chưa có việc giao nhận số tiền trên nên không phát sinh trách nhiệm thanh toán số tiền là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, có căn cứ xác định ông T có mượn của ông V số tiền là 1.1000.000.000 đồng, việc bị đơn ông T không thanh toán cho ông V số tiền trên là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn thanh toán số tiền 1.100.000.000 đồng là có căn cứ.

[8] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

[9] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[10] Về chi phí tố tụng tại phúc thẩm: chi phí giám định với số tiền 24.502.000 đồng, bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật được khấu trừ vào tạm ứng chi phí đã nộp.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo bị đơn ông Nguyễn Văn T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu chi phí giám định với số tiền 24.502.000 đồng (hai mươi bốn triệu năm trăm lẻ hai nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp (đã thực hiện xong).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000394 ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết